

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2018

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
dưỡng con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Vương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1988; HKTT: Ấp Đ, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Minh T, sinh năm 1986; HKTT: Ấp Đ, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà K có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông T vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 04/01/2018, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà K trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông T chung sống với nhau, hôn nhân tự

nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương vào ngày 27/11/2006. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông T có hành vi đánh bà K. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau được nữa nên bà K làm đơn xin ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà K và ông T có 02 con chung tên Hồ Minh B, sinh ngày 18/02/2008 và Hồ Thị Ngọc H, sinh ngày 08/11/2010. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Thị Ngọc H và đồng ý giao con chung tên Hồ Minh B cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà K giao nộp: Bản chính đơn khởi kiện ngày 04/01/2018; bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của nguyên đơn; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao trích lục khai sinh Hồ Thị Ngọc H, bản sao giấy khai sinh Hồ Minh B; bản tự khai của nguyên đơn. Ngoài ra, bà K không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2018, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải bị đơn ông T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà K về quá trình chung sống, hôn nhân giữa hai người là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương vào ngày 27/11/2006. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường gây gổ nhau. Mỗi lần cãi vã thì bà K tự ý bỏ nhà đi. Hiện, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa nên trước yêu cầu ly hôn của bà K thì ông T đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, ông T và bà K có 02 con chung tên Hồ Minh B, sinh ngày 18/02/2008 và Hồ Thị Ngọc H, sinh ngày 08/11/2010. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu bà K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến tại phiên tòa.

Chứng cứ ông T giao nộp: Biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2018. Ngoài ra, ông T không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

**** Tại bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa con chung tên Hồ Minh B và Hồ Thị Ngọc H trình bày:***

- Ý kiến cháu B: Khi cha và mẹ ly hôn, không chung sống với nhau thì cháu T có nguyện vọng được sống chung với cha là ông T.

- Ý kiến cháu H: Khi cha và mẹ ly hôn, không chung sống với nhau thì cháu H có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà K.

**** Xác minh và làm việc của Tòa án:***

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã tiến hành xác minh chính quyền địa phương tại nơi cư trú về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K và ông T, đã xác định được: Quá trình chung sống tại địa phương thì bà K và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài đã mấy năm, trước đây bà K từng khởi kiện yêu cầu ly hôn sau đó tự nguyện rút đơn về để đoàn tụ với ông T. Tuy nhiên, địa phương không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn là gì. Hiện nay, bà K và ông T không còn chung sống với nhau tại địa chỉ ấp Đ, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Qua xác minh tại Công an xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xác định được vào khoảng tháng 02/2018, Công an xã Đ có nhận được tin báo của bà K về việc ông T có hành vi đánh bà K, sau khi mời hai bên về làm việc xác định được có sự việc ông T đánh bà K. Tuy nhiên, bà K không yêu cầu giải quyết nên Công an không lập biên bản để xử lý.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà K, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông T là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn; về con chung, giao con chung tên T cho ông T nuôi dưỡng và giao con chung tên H cho bà K nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà K có mặt, bị đơn ông T đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành

tổ tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông T thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà K khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn ông T, các bên đương sự có hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 04/01/2018, nguyên đơn bà K khởi kiện ly hôn đối với bị đơn ông T với các yêu cầu: Ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Thị Ngọc H, sinh ngày 08/11/2010; đồng ý giao con chung tên Hồ Minh B, sinh ngày 18/02/2008 cho bị đơn ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình làm việc, bị đơn ông T đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý về vấn đề con chung mà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu nguyên đơn bà K cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, bị đơn ông T vắng mặt, không thỏa T với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà K và bị đơn ông T tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Bình Dương vào ngày 27/11/2006. Hôn nhân giữa nguyên đơn bà K và bị đơn ông T là sự tự nguyện và thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, nguyên đơn bà K và bị đơn ông T thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, bị đơn ông T có hành vi đánh nguyên đơn bà K. Nguyên đơn bà K xác định vợ chồng đã có quá nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm vợ chồng với bị đơn nên không thể chung sống với nhau được nữa nên muốn ly hôn để không làm khổ cho cả hai. Bị đơn ông T thống nhất về việc vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bị đơn ông T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên không thể công nhận sự T tình ly hôn của các đương sự mà Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà K được ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn bà K và bị đơn ông T có 02 con chung tên Hồ Minh B, sinh ngày 18/02/2008 và Hồ Thị Ngọc H, sinh ngày 08/11/2010. Nguyên đơn bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Thị Ngọc H và đồng ý giao con chung tên Hồ Minh B cho bị đơn ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu

cầu nguyên đơn bà K phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì khi giải quyết về con chung nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Xét thấy cháu B và cháu H đều đã trên 7 tuổi, cháu B có nguyện vọng được sống cùng với bị đơn ông T, cháu H có nguyện vọng được sống cùng với nguyên đơn bà K, cả nguyên đơn bà K và bị đơn ông T đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, nguyên đơn bà K và bị đơn ông T mỗi người chịu trách nhiệm nuôi dưỡng 01 con chung nên bà K và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn bà K không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Nguyên đơn bà K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của bà Nguyễn Thị K đối với ông Hồ Minh T, xử lý cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Hồ Minh T.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*:

- Bà Nguyễn Thị K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Hồ Thị Ngọc H, sinh ngày 08/11/2010.

- Ông Hồ Minh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Hồ Minh B, sinh ngày 18/02/2008.

- Bà Nguyễn Thị K và ông Hồ Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà K không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011312 ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 10/5/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã L, huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng